TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:207/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 5 - 2019
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP-TỈNH HẬU GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Phục;
2. Ông Phan Công Điện.

***-Thư ký phiên tòa*:** Ông Phan Công Trận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2019/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 3 năm 2019 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXXST-HN, ngày 26 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2019/QĐST-HN, ngày 17 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Bích P**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp T, thị trấn G, huyện A, tỉnh Hậu Giang.

2.Bị đơn: **Nguyễn Hoàng T**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp K, xã H, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị Bích P (sau đây gọi chị P) trình bày: giữa chị và bị đơn Nguyễn Hoàng T (sau đây gọi anh T) qua tìm hiểu nhau mà tự nguyện quyết định đi đến hôn nhân vào năm 2003, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh T không lo làm ăn, từ đó vợ chồng

thường xuyên cãi vã nhau, đã nhiều lần hoà giải hàn gắn tình cảm nhưng không thành nên đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, chị P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về hôn nhân: xin ly hôn với anh T.

-Về con chung: có hai người con chung tên Nguyễn Phúc D (nam), sinh ngày 13 tháng 5 năm 2004 và cháu Nguyễn Thùy T (nữ), sinh ngày 08 tháng 5 năm 2008, từ khi ly thân đến nay các con chung sống với anh T, nay ly hôn, nguyện vọng các con chung sống ai thì người đó nuôi dưỡng, người còn lại chưa phải cấp dưỡng.

-Về nợ và tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14.3.2019 các cháu Nguyễn Phúc D và cháu Nguyễn Thùy T trình bày (có sự chứng kiến của chị P): khi cha, mẹ các cháu ly hôn thì cả hai cháu đều có nguyện vọng là được sống với cha.

Anh Nguyễn Hoàng T vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: về thủ tục tố tụng: Tòa án, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tiếp tục giao hai con chung cho bị đơn nuôi dưỡng, nguyên đơn chưa phải cấp dưỡng; về nợ và tài sản chung, không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: anh Nguyễn Hoàng Tđược triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với anh T.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: chị P và anh T qua tìm hiểu nhau, tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2003, đến ngày 31 tháng 8 năm 2007 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Hòa, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị P, Hội đồng xét xử xét thấy: chị và anh T chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có giải pháp khắc phục để hoà giải hàn gắn tình cảm mà đã sống ly thân từ năm 2018; Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tạo điều kiện để anh, chị được đoàn tụ nhưng anh T không đến để hòa giải đoàn tụ, từ đó xác định anh T cũng không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này; xét thấy thời gian ly thân thì tự ai người đó sống, không ai quan tâm, lo lắng cho ai. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay, chị P xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T và cương quyết xin ly hôn; từ đó thấy rằng hôn nhân giữa anh, chị đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P.

[5] Về con chung: anh, chị không tranh chấp về quyền nuôi con chung, xét từ khi ly thân, hai người con chung sống với anh T, đồng thời, hai người con chung đều có nguyện vọng là được sống với anh T, chị P cũng đồng ý cho con chung được sống với ai là theo nguyện vọng của con; như vậy cần tiếp tục giao hai người con chung cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị P, anh T có yêu cầu khác.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: anh T vắng mặt nên không có yêu cầu cấp dưỡng, không đặt ra xem xét. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị P mà không ai có quyền cản trở.

[7] Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: chị P phải nộp theo quy định pháp luật.

Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có căn cứ chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích P và anh Nguyễn Hoàng T.

2. Về nuôi con chung: anh Nguyễn Hoàng T được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Phúc D (nam), sinh ngày 13 tháng 5 năm 2004 và cháu Nguyễn

Thùy T (nữ), sinh ngày 08 tháng 5 năm 2008 cho đến khi cháu D, cháu T đủ 18 tuổi hoặc khi chị P, anh T có yêu cầu khác.

Chị Nguyễn Thị Bích P chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị P mà không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu, không xem xét

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Bích P phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0017129, ngày 07.3.2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không ai phải nộp thêm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THADS huyện PH;
- UBND xã Thạnh Hòa, h. Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Liêm